TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

2. Bà Phạm Thị Thanh An.

- Thư ký phiên tòa: bà Lưu Hoa Quỳnh – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn *tham gia phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Hiện đang làm việc tại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc tế K, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Hoàng Thị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 26 tháng 9 năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do chị T tự ý bỏ đi vào miền Nam làm ăn mà không bàn bạc gì với gia đình. Gia đình đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu chị T trở về nhưng chị T không đồng ý, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Hà Thị Ánh N, sinh ngày 05/5/2006, con hiện đang sống cùng anh T. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh T cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Hà Văn T.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2018 chị Hoàng Thị T trình bày:

Về việc kết hôn giữa chị và anh T đúng như anh T đã khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Cả hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến người kia nữa, do tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc nên anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hà Thị Ánh N, sinh ngày 05/5/2006. Do chị T đang làm ăn xa, cuộc sống chưa ổn định nên chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã xác minh tại nơi cư trú của các đương sự về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, được cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị T xuất phát từ tình cảm không hợp và từ khó khăn kinh tế.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Chị Hoàng Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T. Giao con Hà Thị Ánh N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không giải quyết việc

chia tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ tài sản chung. Anh T phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên Tòa hôm nay, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Hà Văn T và bị đơn Hoàng Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, bị đơn đề nghị vắng mặt tại phiên Tòa vì vậy Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã S. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống xuất phát từ tính tình không hòa hợp và từ những khó về khăn kinh tế, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, điều này cũng phù hợp với xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của các đương sự. Anh Hà Văn T xin ly hôn, chị Hoàng Thị T nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T có nhiều bất đồng dẫn đến việc vợ chồng không hòa thuận, cả hai đã sống ly thân từ năm 2014, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2.2 Về con chung: anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T có có 01 con chung là Hà Thị Ánh N, sinh ngày 05/5/2006, con chung hiện đang sống cùng anh T. Tại phiên tòa hôm nay anh T giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. HĐXX thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã có ý kiến đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như của bị đơn. Vì vậy cần giao con Hà Thị Ánh N cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con. Do anh T không yêu cầu nên không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật HNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao con Hà Thị Ánh N, sinh ngày 05/5/2006 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Anh Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2013/07305 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, anh T đã nộp đủ.

4. Anh Hà Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn (02);
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Sơn Lương;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Lương Nguyễn Thắng